

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 01 – 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Dĩ Quang.

2. Ông Huỳnh Văn Sen.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Gia An, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 240/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lưu Liễu S**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980.

Địa chỉ: Khu vực X, phường C, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Hồng N**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu vực X, phường C, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lưu Liễu S trình bày:

Ông Lưu Liễu S và bà Trần Thị Hồng N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 4 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu chung sống rất yên ổn, nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm

trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông S và bà N hiện vẫn chưa sống ly thân. Ông S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông S và bà N có hai con chung tên Lưu L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Lưu Thành T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2011 hiện đang sống chung với ông S. Khi ly hôn, ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lưu Thành T cho đến khi cháu T đủ 18 (mười tám) tuổi, không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông S và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông S và bà N không có nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Bà Trần Thị Hồng N đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng bà N đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Liễu S.

3. Ý kiến của con chung: Trong biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 21 tháng 11 năm 2025, con chung tên Lưu Thành T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2011 hiện đang sống với ông S; cháu T có nguyện vọng được sống chung với ông Lưu Liễu S.

4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Trần Thị Hồng N chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại khóm X nay là khu vực X, phường C, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền, theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là ông Lưu Liễu S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trần Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà N được Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân phường Y, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nay là Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyền số 01/2012 vào ngày 17 tháng 4 năm 2012. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng bà N đều vắng mặt; ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng ông không còn tình cảm với bà N, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Như vậy, ông S và bà N không có thiện chí hoà giải đoàn tụ, từ đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2.2] Về con chung:

Ông S với bà N có hai con chung tên Lưu L, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Lưu Thành T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2011 hiện đang sống chung với ông S. Ông S yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lưu Thành T cho đến khi cháu T đủ 18 (mười tám) tuổi.

Xét thấy, cháu T đang chung sống với ông S từ khi sinh ra cho đến nay; theo biên bản ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Tòa án ghi ý kiến của cháu Lưu Thành T thì cháu T có nguyện vọng được sống chung với cha là ông Lưu Liễu S. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho ông S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; cũng nhằm ổn định cuộc sống cho con chung sau khi cha mẹ ly hôn, nên cần giao cháu T cho ông S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Bà N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông S; bà N cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của khoản 1 và 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà N cũng không có ý kiến gì về vấn đề này. Vì vậy, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Liếu S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Lưu Liếu S được ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Hồng N.

1.2. Về con chung:

- Giao con chung tên Lưu Thành T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2011 cho ông Lưu Liếu S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Bà Trần Thị Hồng N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung là Lưu Thành T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2011 được sống chung với ông Lưu Liếu S.

- Bà Trần Thị Hồng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; ông Lưu Liếu S cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Trần Thị Hồng N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Bà Trần Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Liễu S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007872 ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ; như vậy, ông S đã nộp xong án phí sơ thẩm.

2. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ;
- Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh